

# HỆ THỐNG KIẾN THỨC LỊCH SỬ 11

## (THEO TỪNG BÀI HỌC – CHƯƠNG TRÌNH MỚI)

### A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM.

#### Chủ đề 1: CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

#### Bài 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN

##### 1. Tiền đề của cách mạng tư sản

###### a. Kinh tế

- Trong các thế kỉ XVI – XVIII, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh ở các nước Âu - Mỹ, đặc biệt là trong nông nghiệp và công thương nghiệp.

+ **Anh:**

- Đầu thế kỉ XVII, Anh là nước có nền kinh tế phát triển nhất châu Âu, đặc biệt sản xuất len dạ. Công trường thủ công chiếm ưu thế
- Ngoại thương phát triển mạnh → tư sản và quý tộc giàu lên nhanh chóng

+ **13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ:** Giữa thế kỉ XVIII, công thương nghiệp phát triển mạnh

- Ở miền Bắc, phổ biến là các công trường thủ công
- Ở miền Nam, kinh tế nông nghiệp đồn điền, trang trại phát triển

+ **Pháp:**

- Cuối thế kỉ XVIII, công thương nghiệp rất phát triển, máy móc sử dụng ngày càng nhiều
- Ngoại thương phát triển, các công ty buôn bán với nhiều nước châu Âu, châu Á

- Sự phát triển kinh tế TBCN ở Anh là tiêu biểu nhất, đặc biệt là công nghiệp len dạ, làm cho nghề nuôi cừ trở nên có lợi nhất. Ở nông thôn Anh đã diễn ra “Hiện tượng cừ ăn thịt người” và sự giàu có nhanh chóng của tầng lớp quý tộc mới

###### b. Chính trị

- Đa số các nước đều theo thể chế quân chủ chuyên chế hoặc là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân

+ **Anh:** thế kỉ XVII, thể chế quân chủ chuyên chế do vua Sác – lơ I đứng đầu

+ **13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ:** giữa thế kỉ XVIII là thuộc địa của Anh

+ **Pháp:** cuối thế kỉ XVIII vẫn duy trì thể chế quân chủ chuyên chế do vua Lu – i XVI đứng đầu

- Chế độ phong kiến lạc hậu kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế TBCN (Anh, Pháp)

- Ở Bắc Mĩ, thực dân Anh thi hành nhiều đạo luật hà khắc cản trở sự phát triển của kinh tế Bắc Mĩ

###### c. Xã hội

- Xuất hiện nhiều mâu thuẫn giữa các giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất TBCN với giai cấp phong kiến hoặc chủ nghĩa thực dân

+ **Anh:** Quần chúng nhân dân (đặc biệt tư sản, quý tộc mới) >< thế lực phong kiến

+ **13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ:** Nhân dân Bắc Mĩ (đặc biệt tư sản, chủ nô) >< thực dân Anh

+ **Pháp:** Quần chúng nhân dân (đặc biệt tư sản) >< thế lực phong kiến (tăng lữ, quý tộc)

- Mâu thuẫn xã hội ở Pháp là tiêu biểu nhất. Đó là mâu thuẫn giữa đẳng cấp thứ 3 (quần chúng nhân dân lao động, là lực lượng sản xuất chủ yếu nhưng không có quyền lợi chính trị, bị áp bức bóc lột) với 2 đẳng cấp đầu (Tăng lữ, quý tộc, giữ toàn bộ chức vụ quan trọng, sống sung sướng nhờ áp bức bóc lột)

###### d. Tư tưởng

- Xuất hiện các trào lưu tư tưởng tiên bộ của giai cấp tư sản nhằm chống lại chế độ PK lỗi thời.

+ **Anh:** Tư sản, quý tộc mới sử dụng Thanh giáo làm ngọn cờ chống lại chế độ PK và Anh giáo.

+ **13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ:** Tư sản và chủ nô thể hiện tư tưởng tiến bộ qua khẩu hiệu “Tự do và tư hữu”, “Thống nhất hoàn toàn hay là chết”, thành lập tổ chức tiến bộ “hội những người con tự do”...

+ **Pháp:** Trào lưu triết học ánh sáng, phê phán chế độ PK lỗi thời, đề ra lý thuyết xây dựng nhà nước mới.

- Trong số các trào lưu tư tưởng tiến bộ, trào lưu Triết học ánh sáng ở Pháp là điển hình nhất, đại diện tiêu biểu là: Mông – te – x ki – ơ, Vôn – te, Rút – xô → Tấn công hệ tư tưởng của chế độ PK, dọn đường cho cách mạng bùng nổ, thúc đẩy cách mạng đi lên.

## 2. Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản

### a. Mục tiêu, nhiệm vụ

#### \* Mục tiêu

	Anh	13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ	Pháp
<b>Mục tiêu từng nước</b>	Lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập nền thống trị của TS và quý tộc mới	Lật đổ ách thống trị của TD Anh, giành độc lập, thiết lập chính quyền của TS và chủ nô	Lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập nền thống trị của TS
<b>Mục tiêu chung</b>	- Lật đổ chế độ PK, thực dân, tạo điều kiện cho kinh tế TBCN phát triển - Thiết lập nền thống trị của tư sản, mở đường cho CNTB phát triển		

#### \* Nhiệm vụ

Nhiệm vụ dân tộc	Nhiệm vụ dân chủ
- Xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ (Thống nhất thị trường dân tộc) - Giải phóng dân tộc	- Xóa bỏ phong kiến chuyên chế - Xác lập nền dân chủ tư sản

### b. Giai cấp lãnh đạo, động lực cách mạng

	Anh	13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	Pháp
<b>Giai cấp lãnh đạo</b>	Tư sản và quý tộc mới	Tư sản và chủ nô	Tư sản
<b>Động lực cách mạng</b>	Lực lượng lãnh đạo và quần chúng nhân dân		

## 3. Kết quả, ý nghĩa của một số cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu

### a. Kết quả

\* **Kết quả chung:** đều giành thắng lợi, lật đổ chế độ phong kiến, thực dân, thiết lập chế độ tư bản chủ nghĩa. Đầu thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi toàn thế giới

#### \* Kết quả từng nước

- Anh: Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến

- Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ: Lật đổ sự thống trị của thực dân Anh, giành độc lập thành lập Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

- Pháp: Lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập chế độ cộng hòa.

### b. Ý nghĩa

#### \* Ý nghĩa chung:

- Dẫn đến sự xác lập quan hệ sản xuất TBCN, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển

- Tạo ra nền dân chủ và các thể chế nhà nước dân chủ theo nguyên tắc Tam quyền phân lập → đánh dấu bước tiến lớn trong sự phát triển của lịch sử nhân loại

#### \* Ý nghĩa một số cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu

Cách mạng tư sản	Ý nghĩa
Cách mạng tư sản Anh	Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, giải phóng lực lượng sản xuất, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển
Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	- Giải phóng 13 thuộc địa, thành lập Hợp chúng quốc Mỹ mở đường cho chủ nghĩa tư bản - Cổ vũ tinh thần chống PK ở châu Âu và phong trào GPDT ở Mỹ La-tinh - Tuyên ngôn độc lập của Mỹ trở thành ngọn cờ tự do, có ảnh hưởng lớn đến PTCTM thế giới
Cách mạng tư sản Pháp	- Lật đổ chế độ phong kiến, tạo điều kiện cho CNTB phát triển - Chế độ PK bị lung lay khắp châu Âu. - Mở ra thời đại thắng lợi và củng cố của CNTB trên thế giới

## BÀI 2: SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

### 1. Sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ

- Ở châu Âu, cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII) và cách mạng tư sản Pháp (thế kỉ XVIII) đánh dấu CNTB từng bước được xác lập.

- Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII) đánh dấu sự mở rộng CNTB từ châu Âu lan sang Bắc Mỹ

- Trong những năm 50 – 70 của thế kỉ XIX, các cuộc CMTS tiếp tục diễn ra ở châu Âu và Bắc Mỹ:

+ Đấu tranh thống nhất Italia (1859 – 1870)

+ Cải cách nông nô ở Nga (1861)

+ Nội chiến ở Mỹ (1861 – 1865)

+ Đấu tranh thống nhất nước Đức (1864 – 1871)

→ Kinh tế TBCN phát triển mạnh mẽ

\* Nửa sau thế kỉ XIX, giai cấp tư sản giành được thắng lợi, lên cầm quyền ở nhiều nước → CNTB chính thức được xác lập ở châu Âu và Bắc Mỹ

### 2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

#### a. Chủ nghĩa đế quốc và quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa

- Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, các nước tư bản Âu – Mỹ chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa gắn liền với các hoạt động xâm lược thuộc địa.

- Trong gần 4 thế kỉ (từ đầu XVI đến cuối XIX), thực dân phương Tây đã xâm chiếm và đặt ách cai trị ở hầu hết các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh:

+ Châu Á: Cuối XIX, các nước phương Tây đã hoàn thành việc xâm lược và đặt ách cai trị (trừ Xiêm và Nhật Bản)

+ Châu Phi: đầu thế kỉ XX, việc phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc cơ bản hoàn thành

+ Khu vực Mỹ Latinh: Từ thế kỉ XVI, XVII trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Đầu thế kỉ XIX, giành được độc lập nhưng sau đó bị Mỹ bành trướng, can thiệp, biến thành “sân sau” của mình.

- Vai trò, tầm quan trọng của thuộc địa:

+ Nơi cung cấp nguyên liệu, nhân công

+ Thị trường đầu tư và tiêu thụ hàng hóa, đem lại lợi nhuận khổng lồ

+ Là cơ sở vững chắc cho các nước đế quốc trong các cuộc tranh chấp, chiến tranh.

#### b. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

##### \* Sự mở rộng của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn cầu

- Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, các nước Mỹ Latinh sau khi giành độc lập từ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đã đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

- Ở châu Á, Nhật Bản và Xiêm sau khi cải cách, duy tân cũng đưa đất nước theo con đường TBCN.
- Ở Trung Quốc, năm 1911, cách mạng Tân Hợi thành công, lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho CNTB phát triển ở quốc gia lớn nhất, đông dân nhất châu Á
- Như vậy, cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, CNTB đã mở rộng phạm vi toàn cầu, trở thành hệ thống thế giới.

#### \* **Biểu hiện sự phát triển của chủ nghĩa tư bản**

- Ứng dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật, nền sản xuất phát triển mạnh.
- Hình thành các tổ chức lũng đoạn và xuất khẩu tư bản ra nước ngoài.
- Nâng cao hiệu quả công cuộc khám phá và chinh phục thiên nhiên.

#### **c. Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền**

- Trong giai đoạn đầu (từ thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX), chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tự do cạnh tranh. Từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền. Biểu hiện rõ nhất là sự hình thành các tổ chức độc quyền

- Trong giai đoạn đầu, tư bản độc quyền chỉ có trong một số ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, sức mạnh kinh tế chưa lớn. Càng về sau, sức mạnh của các tổ chức độc quyền càng tăng lên, từng bước chi phối toàn bộ nền kinh tế
- Tổ chức độc quyền là sự liên minh giữa các nhà tư bản lớn để tập trung vào tay mình phần lớn việc sản xuất hoặc tiêu thụ một số hàng hóa nhằm thu lợi nhuận cao.

- Các tổ chức độc quyền tiêu biểu: Các -ten, Xanh – đi – ca (Đức và Pháp), Tờ - rớt (Mĩ)

- Theo Lênin, chủ nghĩa tư bản độc quyền những năm đầu thế kỉ XX có 5 đặc điểm lớn:

- + Tập trung sản xuất và tư bản
- + Liên minh độc quyền quốc tế
- + Hợp nhất tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp
- + Xuất khẩu tư bản
- + Phân chia đất đai trên thế giới

### **3. Chủ nghĩa tư bản hiện đại**

#### **a. Khái niệm**

- CNTB hiện đại là thuật ngữ được dùng để chỉ CNTB từ sau CTTG II (1945) đến nay.

- So với CNDQ đầu thế kỉ XX, CNTB hiện đại có những đặc điểm mới sau:

- + Độc quyền nhà nước; Sản xuất phát triển cao
- + Lực lượng lao động có nhiều chuyển biến về cơ cấu, chuyên môn, nghiệp vụ
- + Không ngừng tự điều chỉnh, thích ứng để tồn tại, phát triển
- + Là một hệ thống thế giới và ngày càng mang tính toàn cầu

#### **b. Tiềm năng và thách thức của CNTB hiện đại**

##### \* **Tiềm năng**

- Có trình độ sản xuất phát triển cao, luôn đi đầu trong phát triển kinh tế thế giới
- Có bề dày kinh nghiệm quản lý, cơ sở pháp chế tương đối hoàn chỉnh
- Khả năng tự điều chỉnh và thích nghi để tồn tại, phát triển
- Xu hướng toàn cầu hóa kinh tế tạo ra những nguồn lực bên ngoài quan trọng để phát triển

##### \* **Thách thức**

- Bất bình đẳng xã hội ngày càng gia tăng, khoảng cách giàu – nghèo ngày càng lớn.
- Đối mặt với những vấn đề chính trị, xã hội nan giải: thất nghiệp, xung đột sắc tộc, tôn giáo. Nền dân chủ tư sản thực chất chỉ dành cho một bộ phận thiểu số trong xã hội → nhiều cuộc phản kháng xã hội bùng nổ mạnh mẽ.
- Tiềm ẩn những cuộc khủng hoảng mang tính toàn cầu: khủng hoảng tài chính, tiền tệ, khủng hoảng môi trường

## **Chủ đề 2: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY**

### **BÀI 3: SỰ HÌNH THÀNH LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT**

#### **1. Quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết**

##### **a. Sự ra đời của Chính quyền Xô viết**

- **Thời gian:** 10/1917

- **Nguyên nhân:**

+ Đầu năm 1917, nước Nga ẩn chứa nhiều mâu thuẫn, nổi bật là mâu thuẫn giữa nhân dân Nga với chế độ Nga hoàng  
+ Tháng 2/1917, cách mạng tháng Hai bùng nổ, lật đổ chế độ Nga hoàng. Tuy nhiên, một tình thế phức tạp diễn ra: nước Nga tồn tại cục diện hai chính quyền song song tồn tại: chính quyền Xô viết (công – nông – binh) và chính phủ tư sản lâm thời.

+ Hai chính quyền đại diện cho lợi ích của các giai cấp khác nhau, vấn đề hòa bình và ruộng đất chưa được giải quyết

→ cần thành lập chính quyền Xô viết trên cả nước

- **Lãnh đạo:** Lê – nin và Đảng Bôn – sê – vich Nga

- **Quá trình ra đời:**

+ Tháng 10/1917, cách mạng tháng Mười Nga bùng nổ

+ Đêm 25/10, Đại hội Xô viết toàn Nga họp, tuyên bố thành lập chính quyền Xô viết do Lê – nin đứng đầu, ban hành Sắc lệnh hòa bình, Sắc lệnh ruộng đất.

- **Đặc điểm chính quyền:** chính quyền công – nông đầu tiên, đại diện cho đông đảo quần chúng nhân dân lao động; Nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới.

**b. Sự thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết**

- **Thời gian:** 12/1922

- **Nguyên nhân thành lập:**

+ Trong cuộc chiến đấu chống thù trong giặc ngoài (1918 – 1920), nước Nga Xô viết và các nước cộng hòa XÔ viết đồng minh đã liên minh với nhau, đánh bại kẻ thù chung, bảo vệ chính quyền cách mạng. Đó là cơ sở để họ dễ dàng gia nhập liên bang

+ Chiến tranh kết thúc, nhiệm vụ khôi phục kinh tế, xây dựng CNXH và bảo vệ đất nước đòi hỏi sự liên minh chặt chẽ hơn nữa giữa các nước CHXHCN trên đất nước Xô viết

+ Sự phát triển không đồng đều về kinh tế, văn hóa, chính trị giữa nước Nga Xô viết và các nước cộng hòa Xô viết đồng minh (Nga tương đối phát triển, trong khi các nước khác lạc hậu) → đặt ra yêu cầu phải hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển.

- **Quá trình thành lập:**

+ 1922, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang họp ở Mát – x - cơ – va đã thông qua bản tuyên bố thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô)

+ 1924, bản hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua, hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước LBCH XHCN Xô viết

- **Những nước đầu tiên gia nhập:** 4 nước: Nga, U – crai – na, Bê – lô – rút – xi – a, Ngoại Cáp – ca – đơ. Đến năm 1940, phát triển thành 15 nước

- **Nguyên tắc gia nhập:** tự nguyện, bình đẳng.

**2. Ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết**

- **Đối với Liên Xô:**

+ Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của đế quốc Nga và Chính phủ tư sản lâm thời, xác lập chế độ XHCN trên toàn lãnh thổ Liên Xô

+ Thể hiện quyền dân tộc tự quyết, sự liên minh đoàn kết của các nước cộng hòa Xô viết đồng minh, làm thất bại ý đồ và hành động chia rẽ của các thế lực thù địch.

+ Tạo sức mạnh tổng hợp để Liên Xô tập trung vào xây dựng CNXH và bảo vệ đất nước, chiến thắng ngoại xâm (ví dụ: Khi LB CHXHCN Xô viết được thành lập, bước vào thời kì xây dựng CHXH (1925 – 1941) đã đưa Liên Xô từ 1 nước nông nghiệp lạc hậu trở thành 1 cường quốc công nghiệp XHCN. Những thành tựu trên đã tạo sức mạnh tổng hợp để LX đánh thắng sự xâm lược của phát xít Đức, bảo vệ độc lập, toàn vẹn lãnh thổ; đồng thời thực hiện sứ

mệnh quốc tế, tiêu diệt chủ nghĩa phát xít trên phạm vi thế giới, cứu loài người khỏi ách nô lệ của chủ nghĩa phát xít, giải phóng 1 loạt các nước Đông Âu...)

**- Đối với thế giới:**

- + Chứng minh học thuyết Mác – Lênin à đúng đắn, khoa học.
- + Xác lập và xây dựng mô hình Nhà nước mới đối lập với mô hình nhà nước tư bản chủ nghĩa, tác động lớn đến chính trị và quan hệ quốc tế (sự ra đời của Nhà nước XHCN đầu tiên khiến cho CNTB không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới nữa, tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống XHCN sau này)
- + Cổ vũ và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho phong trào cách mạng thế giới.

**- Liên hệ đến Việt Nam:**

- + CMT10 Nga thành công và sự thành lập Nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới, đưa nhân dân lao động lên làm chủ là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần cho nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống TD Pháp, giành độc lập dân tộc
- + Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đã biến chủ nghĩa Mac – Lê nin thành hiện thực và truyền bá khắp nơi dẫn đến việc NAQ bắt gặp chủ nghĩa Mac – Lê nin và tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam – con đường CMVS, đi theo CMT10 Nga. Từ đó, Người tích cực chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam – ĐCS Việt Nam – nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng về sau
- + Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho nhân dân Việt Nam tiếp thu và sáng tạo phù hợp với hoàn cảnh đất nước: bài học về sự lựa chọn con đường giải phóng dân tộc, xây dựng mô hình Nhà nước (VN đã xây Nhà nước XHCN theo mô hình của Liên Xô)

**BÀI 4: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY**

**1. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai**

**a. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu**

- Trước năm 1945, Liên Xô là nước duy nhất trên thế giới đi theo con đường XHCN
- Sau năm 1945, CNXH dần dần mở rộng và phát triển sang các nước Đông Âu
- + 1944 – 1945: Trước sự thất bại của các nước phát xít, sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô, các nước Ba Lan, Tiệp Khắc, Bungari lật đổ chế độ tư sản – địa chủ; các nước Bun – ga – ri, Ru – ma – ni, An – ba – ni xóa bỏ chế độ quân chủ chuyên chế, thành lập chính quyền DCND
- + 1945 – 1949: Các nước Đông Âu hoàn thành cách mạng DCND: cải cách ruộng đất, ban hành các quyền tự do dân chủ... Năm 1949, nước CHDC Đức được thành lập
- + 1950 – đầu những năm 70: bắt đầu xây dựng CNXH, đạt nhiều thành tựu
- Như vậy, sau CTTG II, CNXH đã phát triển trở thành hệ thống thế giới, đối trọng với hệ thống CNTB, trở thành thành trì, chỗ dựa của PTCM TG.

**b. Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mĩ Latinh**

Thời gian	Nội dung
1940	Mông Cổ phát triển đất nước theo con đường XHCN
1948	Nước CHDCND Triều Tiên được thành lập, đi lên xây dựng CNXH
10/1949	Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập
Năm 1954	Miền Bắc VN được giải phóng và bước đầu xây dựng CNXH
Năm 1961	Cu-ba bước vào thời kì xây dựng CNXH
12/1975	Kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, nước CH DCND Lào được thành lập và đi lên xây dựng CNXH
Năm 1976	Cả nước Việt Nam đi lên xây dựng CNXH

**c. Nguyên nhân sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô**

**\* Chủ quan:**

- Những sai lầm trong quá trình cải tổ
- Những hạn chế của mô hình kinh tế - xã hội không được nhận thức đầy đủ và sửa chữa tích cực
- Chưa khai thác tốt thành tựu của KHKT. Trình độ phát triển của LLSX ngày càng tụt hậu
- Tình trạng quan liêu, vi phạm dân chủ, dân chủ hình thức làm suy giảm niềm tin của quần chúng nhân dân

**\* Khách quan:** Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

**2. Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay**

**a. Khái quát về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay**

- Từ năm 1991, sau sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu, CNXH không còn là hệ thống thế giới. Tuy vậy, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số nước vẫn tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh như Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cuba
- Tình hình nổi bật một số nước XHCN hiện nay

Quốc gia	Nét nổi bật từ năm 1991 đến nay
Trung Quốc	Tiếp tục triển khai đường lối cải cách – mở cửa, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, với mục tiêu hiện đại hóa và xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc
Việt Nam	- Qua hơn 3 thập kỉ tiến hành đổi mới (1986 đến nay), đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình - Công cuộc CNH, HĐH và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh - Uy tín, vị thế trên trường quốc tế được nâng cao
Lào	- Sau hơn 30 năm đổi mới, đất nước vượt qua nhiều khó khăn - Kinh tế tăng trưởng cao trong nhiều năm - Đời sống vật chất, tinh thần không ngừng được cải thiện
Cu - ba	- Không có nhiều thành tựu đột phá, mặc dù có những dấu hiệu cải cách nhất định về kinh tế - xã hội - Đang trong tình trạng bị cấm vận từ bên ngoài

- Ý nghĩa:

- + Được cộng đồng quốc tế đánh giá cao
- + Chứng minh sức sống của CHXH trong một thế giới có nhiều biến động
- + Khẳng định con đường đi lên CNXH là phù hợp với thực tiễn và xu thế của thời đại.

**b. Thành tựu của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc**

**\* Thời gian:** 12/1978

**\* Nội dung đường lối cải cách:**

- + Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm
- + Chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường XHCN linh hoạt hơn
- + Xây dựng CNXH đặc sắc TQ
- + Mục tiêu: biến TQ thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh

**\*Thành tựu:**

- **Chính trị:** Đề ra và xây dựng được hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc

- **Kinh tế:**

- + Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao liên tục nhiều năm, đạt 9,6%/năm (1978 - 2012), 7,2% (2013 – 2016)
- + Từ năm 2010, GDP của Trung Quốc vượt Nhật Bản, đứng hàng thứ 2 thế giới (sau Mỹ).
- + Đời sống nhân dân được cải thiện, nâng cao. Thu nhập bình quân trên đầu người hơn 12500 US\$ (2021)
- + Dự trữ ngoại tệ đứng hàng đầu thế giới

- **Khoa học – kĩ thuật:**

- + Năm 1992, thực hiện chương trình thám hiểm không gian

+ Năm 2003, phóng con tàu “Thần Châu 5” đưa nhà du hành Dương Lợi Vĩ bay vào vũ trụ. Sự kiện này đã đưa TQ trở thành quốc gia thứ 3 thế giới có tàu và người bay vào vũ trụ

+ Hệ thống tàu cao tốc không ngừng phát triển

+ Nâng cao năng lực tự chủ về khoa học – công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), năng lượng sinh học, công nghệ sinh học...

**- Văn hóa – giáo dục:**

+ Giáo dục quốc dân phát triển mạnh trên quy mô lớn và có nhiều tiến bộ

+ Xuất hiện nhiều trường đại học chất lượng cao

- Quốc phòng: trở thành cường quốc xuất khẩu vũ khí và trang thiết bị quân sự

**\* Chính sách đối ngoại**

- Đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại, vai trò, vị thế quốc tế ngày càng được nâng cao

- Năm 1997, thu hồi chủ quyền với Hồng Công. Năm 1999, thu hồi chủ quyền với Ma Cao. Hiện nay, đây là hai trung tâm kinh tế - tài chính lớn của Trung Quốc

**\* Ý nghĩa**

**- Với Trung Quốc:**

+ Khẳng định đường lối cải cách, mở cửa của Đảng CS Trung Quốc là đúng đắn

+ Giúp Trung Quốc thoát khỏi khủng hoảng, nền kinh tế phát triển nhanh chóng, chính trị - xã hội ổn định, đời sống nhân dân được nâng cao

+ Nâng cao vị thế của Trung Quốc trên trường quốc tế

**- Thế giới:**

+ Chứng tỏ sức sống của chủ nghĩa xã hội

+ Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các nước XHCN khác, trong đó có Việt Nam

**CHỦ ĐỀ 3: QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á  
BÀI 5: QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CẠI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN  
Ở ĐÔNG NAM Á**

**1. Quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.**

**a. Đông Nam Á hải đảo**

	<b>Quá trình xâm lược</b>	<b>Thiết lập nền cai trị</b>
<b>Ma - lai - xi - a</b>	1511, Bồ Đào Nha đánh chiếm Ma-lắc-ca Cuối XVIII- đầu XIX, Anh xâm lược các tiểu quốc Hồi giáo → Mã Lai thuộc Anh	- Anh cai trị gián tiếp qua các công sứ - Đẩy mạnh khai thác thiếc và đồn điền cao su - Đưa nhiều lao động từ Trung Quốc và Ấn Độ đến làm việc
<b>Phi – lip - pin</b>	- Thế kỉ XVI, Tây Ban Nha xâm lược và cai trị - 1898, Mỹ thay thế, đàn áp đẫm máu các cuộc khởi nghĩa	- Tây Ban Nha áp đặt hệ thống hành chính mới với trung tâm là Ma – ni – la - Mở rộng Thiên Chúa giáo - Giáo dục, văn hóa chịu ảnh hưởng của Tây Ban Nha
<b>In-đô-nê-xi- a</b>	- Thế kỉ XVII, Hà Lan xâm lược - Đầu thế kỉ XIX, hoàn tất việc xâm lược và bắt đầu đặt ách cai trị	- Hà Lan cai trị trực tiếp In – đô – nê – xi – a với trung tâm chính trị đặt tại Ba – ta – vi – a - Khai thác thuộc địa quy mô lớn - Chế độ thuế khóa, áp bức nặng nề

<b>Xin – ga - po</b>	- 1819, Anh kí với các thủ lĩnh Hồi giáo địa phương để thiết lập cảng Xin – ga – po - 1824, biển Xin – ga – po thành thuộc địa	- Xác lập chế độ cai trị trực tiếp - Biển Xin – ga – po thành hải cảng giao thương giữa châu Âu và châu Á
----------------------	---	--

### b. Đông Nam Á lục địa

	<b>Quá trình xâm lược</b>	<b>Thiết lập nền cai trị</b>
<b>Mi – an - ma</b>	TD Anh tiến hành 3 cuộc xâm lược vào các năm: 1824-1826, 1852, 1885, biển Mi – an – ma thành thuộc địa	- Anh cai trị trực tiếp - Tước đoạt các vùng lúa gạo, rừng gỗ tểch và các mỏ đá quý
<b>Việt Nam</b>	- Năm 1858, liên quân Pháp – TBN tấn công Đà Nẵng, mở đầu quá trình xâm lược - Năm 1862, chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ - Năm 1867, hoàn thành việc chiếm Nam Bộ - Năm 1884, triều Nguyễn kí Hiệp ước Pa – tơ – nôt, Pháp hoàn tất quá trình xâm lược	- Lập ra Liên bang Đông Dương, đặt phủ Toàn quyền ở Hà Nội - Xây dựng bộ máy cai trị chặt chẽ, bao gồm cả trực tiếp và gián tiếp, sử dụng quan lại bản xứ làm tay sai - Tiến hành khai thác thuộc địa quy mô lớn toàn Đông Dương.
<b>Lào</b>	- Năm 1893, Pháp buộc Xiêm kí Hiệp ước thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp ở Lào	
<b>Cam – pu - chia</b>	- Năm 1863, Pháp ép Cam – pu – chia kí Hiệp ước công nhận sự bảo hộ của Pháp, biển Campuchia thành thuộc địa - Năm 1884, ép Campuchia kí thêm hiệp ước với nhiều điều khoản có lợi cho Pháp	

## 2. Công cuộc cải cách ở Xiêm

### a. Bối cảnh, nội dung của cuộc cải cách ở Xiêm

#### \* Bối cảnh

- Từ TK XIX, Xiêm trở thành đối tượng bị PT nhòm ngó, trở thành “vùng đệm” giữa Anh và Pháp.
- Xiêm tiến hành cải cách nhằm bảo vệ độc lập và phát triển đất nước.
- Công cuộc cải cách chủ yếu được tiến hành dưới thời vua Ra – ma IV và Ra – ma V

#### \* Nội dung

<b>Lĩnh vực</b>	<b>Nội dung cải cách</b>
Chính trị, quân sự	- Xây dựng mô hình nhà nước thống nhất, tập trung, hiện đại - Tổ chức lại chính quyền từ Trung ương đến địa phương, xóa bỏ quyền lực của quý tộc địa phương - Xây dựng hệ thống luật pháp hiện đại, học tập phương Tây
Kinh tế	Sử dụng cố vấn ngoại quốc để phát triển kinh tế
Xã hội	- Xóa bỏ chế độ lao dịch và nô lệ - Ban hành Luật việc làm
Văn hóa	- Thành lập trường đại học theo mô hình phương Tây, cải cách giáo dục - Cử sinh viên sang phương Tây du học
Ngoại giao	- Từng bước xóa bỏ các hiệp ước bất bình đẳng với phương Tây - Xây dựng quan hệ ngoại giao với nhiều quốc gia trên thế giới

### b. Ý nghĩa

- Đưa nền kinh tế phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, đạt nhiều thành tựu quan trọng.
- Phản ánh tinh thần độc lập, tự chủ; khả năng ngoại giao khéo léo....

- Giúp Xiêm giữ vững chủ quyền đất nước, là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.

## BÀI 6: HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

### 1. Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á

Quốc gia	Thực dân cai trị	Các phong trào
In-đô-nê-xi-a	Hà Lan	- PT bắt đầu từ TK XVII, dưới sự lãnh đạo của các vương triều Hồi giáo - Đầu XIX, hoàng tử Đê-pô-nê-gô-rô kháng chiến trên đảo Gia va.
Phi-lip-pin	Tây Ban Nha	- PT bắt đầu giữa TH XVI Từ TK XVIII, các VQ Hồi giáo đấu tranh
Mi-an-ma	Anh	PT đấu tranh diễn ra trong các năm 1824 – 1826, 1852, 1885
Việt Nam	Pháp	Diễn ra mạnh mẽ từ 1858 - 1884
Cam-pu-chia		Nhiều cuộc khởi nghĩa: Xi-vô-tha, A-cha Xoa
Lào		Sau 1893, phong trào bùng nổ mạnh mẽ

### 2. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á.

Giai đoạn	Nội dung chính
Cuối XIX đến năm 1920: Khởi đầu cuộc đấu tranh giành độc lập	- Việt Nam, Lào, Campuchia: PT đấu tranh mang ý thức hệ phong kiến do giai cấp PK hoặc nông dân lãnh đạo - Phi -lip -pin, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma: PT đấu tranh theo xu hướng tư sản dưới sự lãnh đạo của các trí thức cấp tiến
Từ 1920 – 1945: Xuất hiện xu hướng mới trong phong trào đấu tranh	- Phong trào phát triển đồng thời theo 2 khuynh hướng: tư sản (do giai cấp tư sản lãnh đạo) và vô sản (do giai cấp vô sản lãnh đạo) - Nhiều đảng phái tiến bộ ra đời, lãnh đạo cuộc đấu tranh bằng cả phương pháp hòa bình và vũ trang - Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh (1945), một số quốc gia đã tiến hành đấu tranh giành được độc lập: In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào
Từ 1945 – 1975: Hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập	- In-đô-nê-xi-a, Phi – lip – pin, Mi – an – ma, Ma – lai – xi – a: đấu tranh yêu cầu phương Tây trao trả độc lập - Việt Nam, Lào, Campuchia tiến hành kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ thắng lợi năm 1975

### 3. Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập

#### a. Những ảnh hưởng của chế độ thực dân

##### \* Ảnh hưởng tích cực

- Gắn kết với thị trường thế giới
- Du nhập nền sản xuất công nghiệp
- Xây dựng một số cơ sở hạ tầng
- Thúc đẩy văn hóa phát triển: chữ viết, tôn giáo, giáo dục

### \* Ảnh hưởng tiêu cực

- Chính trị- xã hội: Chính sách “chia để trị” dẫn đến xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp biên giới, lãnh thổ giữa các quốc gia trong khu vực
- Kinh tế: cơ sở hạ tầng nghèo nàn, lạc hậu. Phần lớn các nước bị biến thành nơi cung cấp nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa của phương Tây
- Văn hóa: Thực dân phương Tây áp đặt văn hóa nô dịch, chính sách ngu dân, hạn chế giáo dục ở thuộc địa

### \* Liên hệ đến Việt Nam

- Chính trị: Pháp chia Việt Nam làm 3 kì với 3 chế độ chính trị khác nhau, lập ra nhiều xứ tự trị, làm phức tạp mối quan hệ vùng miền, tôn giáo, tộc người
- Kinh tế: thuế khóa nặng nề, độc quyền hàng hóa, dịch vụ → kinh tế Việt Nam nghèo nàn, què quặt, lệ thuộc vào Pháp

### b. Quá trình tái thiết và phát triển

#### \* Nhóm các nước sáng lập ASEAN

- Những nước sáng lập ASEAN gồm: Thái Lan, Xin – ga – po, Phi – lip – pin, Ma – lai – xi – a, In – đô – nê – xi – a)

- Từ những năm 60 (thế kỉ XX):

+ Thực hiện chính sách công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu

+ Mục tiêu: xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ

+ Nội dung: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất

- Từ những năm 70 (thế kỉ XX):

+ Thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng tới xuất khẩu

+ Thành tựu: tạo ra bước phát triển kinh tế, xã hội mới, thay đổi bộ mặt nhiều nước trong khu vực

#### \* Ba nước Đông Dương

- Ba nước Đông Dương gồm: Việt Nam, Lào, Campuchia

- Đến cuối những năm 80 (thế kỉ XX), bắt đầu đẩy mạnh phát triển kinh tế bằng cách từng bước chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường

#### \* Các nước còn lại:

- Mi – an – ma:

+ Từ những năm 60 (thế kỉ XX), quá trình tái thiết, phát triển đất nước gặp nhiều khó khăn

+ Từ năm 2011, một số chính sách cải cách được tiến hành theo hướng dân chủ hóa. Tuy nhiên, tình hình đất nước hiện tại còn nhiều bất ổn

- Bru – nây:

+ Từ năm 1984, thi hành nhiều chính sách nhằm thoát khỏi sự lệ thuộc vào Anh.

+ Hệ thống luật pháp hiện đại được xác lập

+ Kinh tế từng bước phát triển, đặc biệt ngành chế biến dầu mỏ

- Ti – mo Lét – te:

+ Từ năm 2002, thi hành nhiều chính sách nhằm ổn định tình hình chính trị, phát triển kinh tế, xã hội

+ Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều bất ổn: xung đột phe nhóm, đảo chính quân sự...

## CHỦ ĐỀ 4: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM ( TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945) BÀI 7: KHÁI QUÁT VỀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

# 1. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

## a. Vị trí địa chiến lược Việt Nam

### \* Vị trí địa lý:

- Nằm ở Đông Nam Á- khu vực ngã tư giữa lục địa Á – Âu và châu Đại Dương, giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, án ngữ tuyến đường giao thương lâu đời giữa Trung Quốc và Ấn Độ
- Giáp Trung Quốc, án ngữ biển Đông, là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa và hải đảo → được coi là “tiền tiêu” của Đông Nam Á từ phía bắc, là “cửa ngõ” để tiến vào bán đảo Trung - Ấn từ phía đông và Trung Quốc từ phía nam

### \* Thời cơ, thách thức

#### - Thời cơ:

- + Giao thương đường biển quốc tế sớm phát triển
- + Có điều kiện giao lưu, tiếp thu nhiều nền văn hóa lớn trên thế giới

#### - Thách thức:

- + Thường xuyên là đối tượng nhòm ngó, can thiệp hoặc xâm lược của các thế lực bên ngoài
- + Là địa bàn cạnh tranh địa chính trị, xác lập và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của các nước lớn trong khu vực và thế giới

## b. Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

### \* Vai trò:

- Vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
- Quyết định sự tồn vong của quốc gia, dân tộc trước các cuộc chiến tranh xâm lược và can thiệp từ bên ngoài
- Tác động lớn đến quá trình hình thành quốc gia, dân tộc, đến tiến trình lịch sử dân tộc và chính sách quản lý đất nước.
- Ảnh hưởng đến tính chất xã hội và công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, văn hóa

### \* Ý nghĩa:

- Ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành và phát triển truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất của dân tộc
- Góp phần khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc

## 2. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

### a. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

Tên cuộc kháng chiến	Thời gian	Lãnh đạo	Nghệ thuật quân sự	Trận đánh lớn	Kết quả, ý nghĩa
KC chống Nam Hán	938	Ngô Quyền	Bố trí trận địa cọc, lợi dụng thủy triều để như quân địch vào bãi cọc	Bạch Đằng	Mở đầu thời kì phong kiến độc lập
KC chống Tống lần 1	981	Lê Hoàn (Tiền Lê)	Mai phục + đóng cọc trên sông Bạch Đằng	Chi Lăng, Bạch Đằng	Thắng lợi, bảo vệ vững chắc nền độc lập
KC chống Tống lần 2	1075 - 1077	Lý Thường Kiệt (nhà Lý)	Tiên phát chế nhân: chủ động tấn công sang đất Tống để chặn thế mạnh của giặc, phá bỏ hệ thống đồn trú của địch gần biên giới nước ta - Cuộc kháng chiến tiêu biểu về nghệ thuật chủ	Sông Như Nguyệt	

			động phòng ngự, chủ động tấn công và chủ động kết thúc chiến tranh		
KC chống Mông - Nguyên	1258, 1285, 1287 - 1288	Trần Thủ Độ, Trần Hưng Đạo, nhà Trần	“Vườn không nhà trống” → thực hiện những cuộc rút lui ngoạn mục để bảo toàn lực lượng, sau đó chờ thời cơ phản công và tiến công đập tan âm mưu xâm lược của kẻ địch	Đông Bộ Đầu Chương Dương, Hàm Tử Sông Bạch Đằng	- Đánh bại kẻ thù lớn mạnh nhất thế giới - Bảo vệ vững chắc nền độc lập
KC chống Xiêm	1785	Nguyễn Huệ	Mai phục	Rạch Gầm – Xoài Mút	Thắng lợi, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc,
KC chống Thanh	1789	Quang Trung	- Hành quân thần tốc, tuyển quân dọc đường - Nghệ thuật chớp thời cơ (đánh mừng 1 Tết)	Ngọc Hồi - Đông Đa	góp phần thống nhất đất nước

## b. Nguyên nhân thắng lợi

### \* Nguyên nhân chủ quan:

- Tinh thần yêu nước, đấu tranh bất khuất, không cam chịu làm nô lệ
- Cuộc kháng chiến đều mang tính chất chính nghĩa. Vì vậy là cơ sở để tập hợp, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đưa đến thắng lợi cuối cùng
- Tinh thần đoàn kết dân tộc: đoàn kết trong nội bộ vương triều, giữa tướng lĩnh và binh sĩ, giữa triều đình và nhân dân, giữa các tầng lớp nhân dân và các dân tộc
- Đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn, nghệ thuật quân sự sáng tạo, độc đáo, sự chỉ huy tài tình của các tướng lĩnh...

\* Nguyên nhân khách quan: Thế lực ngoại xâm gặp khó khăn: hành quân xa, không quen thuộc địa hình, thổ nhưỡng, không chủ động được nguồn lương thực... → Quân địch dễ rơi vào thế bị động, từng bước suy yếu.

## 3. Một số cuộc kháng chiến không thành công

### a. Một số cuộc kháng chiến không thành công

Tên cuộc kháng chiến	Nội dung chính
Cuộc kháng chiến chống quân Triệu (Thế kỉ II TCN)	- Năm 207 TCN, Triệu Đà lập nước Nam Việt ở Trung Quốc, tiến hành chiến tranh mở rộng lãnh thổ - Với Âu Lạc, Triệu Đà dùng kế li gián, gây mâu thuẫn nội bộ. - Năm 179 TCN, Triệu Đà sai quân đánh Âu Lạc, An Dương Vương thất bại.
Cuộc kháng chiến chống quân Minh (Đầu thế kỉ XV)	- 1406, với chiêu bài “Phù Trần diệt Hồ”, nhà Minh đem quân xâm lược nước ta. Nhà Hồ rút quân từ biên giới về cố thủ thành Đa Bang (Hà Nội) - Quân Minh chiếm Đa Bang rồi tiến đánh Đông Đô (Hà Nội). Nhà Hồ rút về Tây Đô (Thanh Hóa) - Tháng 5/1407, Quân Minh đánh Tây Đô, nhà Hồ rút về Nghệ An

	- Tháng 6/1407, Hồ Quý Ly bị bắt, cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại.
Cuộc kháng chiến chống quân Pháp (Nửa sau TK XIX)	- Ngày 1/9/1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam. Quân dân Đà Nẵng chống trả quyết liệt - Bị thất bại ở Đà Nẵng, năm 1859, Pháp chuyển hướng tấn công Gia Định, sau đó chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Triều đình Huế kháng cự không hiệu quả - Năm 1867, Pháp đánh chiếm các tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Triều đình Huế bắt lực - Năm 1873, Pháp tấn công Bắc Kỳ lần một. Chiến thắng Cầu Giấy lần một - Năm 1882 – 1883, Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần hai. Chiến thắng Cầu Giấy lần hai - Năm 1883, Pháp tấn công cửa biển Thuận An. Nhà Nguyễn kí hiệp ước Hác – măng (1883), sau đó là Hiệp ước Pa – tơ – nốt (1884) đầu hàng hoàn toàn TD Pháp. Cuộc kháng chiến thất bại.

**b. Nguyên nhân không thành công**

<b>Tên cuộc kháng chiến</b>	<b>Nguyên nhân không thành công</b>
Cuộc kháng chiến chống quân Triệu	Triều đình Âu Lạc mất cảnh giác, không có sự phòng bị
Cuộc kháng chiến chống quân Minh	- Nhà Hồ không có đường lối kháng chiến đúng đắn, chủ yếu dựa vào thành lũy, nặng về phòng ngự, rút lui cố thủ - Một số chính sách của Hồ Quý Ly khiến quân dân mất đoàn kết, suy giảm ý chí chiến đấu
Cuộc kháng chiến chống quân Pháp	- Nhà Nguyễn không có đường lối kháng chiến đúng đắn, thiếu quyết đoán, thiên về chủ hòa, không đoàn kết, sát cánh với nhân dân - Sự chênh lệch vũ khí, kĩ thuật tác chiến so với quân đội Pháp

**BÀI 8: MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ II TCN ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX)**

**1. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc**

<b>Tên cuộc KN, thời gian</b>	<b>Chống kẻ thù</b>	<b>Diễn biến chính</b>	<b>Ý nghĩa</b>
KN Hai Bà Trưng (40 – 43)	Nhà Đông Hán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 40, Hai Bà Trưng nổi dậy KN ở Mê Linh. Thái thú Tô Định phải bỏ trốn. Trưng Trắc xưng vương, đóng đô ở Mê Linh, xây dựng chính quyền tự chủ trong hai năm (40 – 42)</li> <li>- Năm 42, nhà Hán cử Mã Viện đưa quân sang đàn áp</li> <li>- Năm 43, Hai Bà Trưng hi sinh tại Hát Môn. KN tan rã</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là cuộc đấu tranh vũ trang lớn đầu tiên, mở đầu quá trình giành độc lập, tự chủ lâu dài của người Việt thời Bắc thuộc</li> <li>- Thể hiện sức mạnh và ý chí quật cường của phụ nữ Việt Nam</li> </ul>
KN Bà Triệu (248)	Nhà Ngô	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 248, Triệu Quốc Đạt và em gái là Triệu Thị Trinh lãnh đạo nhân dân nổi dậy KN ở Thanh Hóa</li> <li>- Sau khi Triệu Quốc Đạt qua đời, Bà Triệu được tôn làm chủ tướng. KN tiếp tục lan rộng</li> <li>- Nhà Ngô phải huy động một lực lượng lớn mới đàn áp được</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện tinh thần kiên cường, bất khuất của người Việt trước sự đô hộ của chính quyền phương Bắc</li> <li>- Tiếp tục khẳng định sức mạnh và ý chí của phụ nữ Việt Nam</li> </ul>
KN Lý Bí (542 – 602)	Nhà Lương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bất mãn với chính sách cai trị hà khắc của nhà Lương, năm 542, Lý Bí lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa</li> <li>- Năm 544, khởi nghĩa thắng lợi, Lý Bí lên ngôi vua, đặt tên nước là Vạn Xuân, dựng kinh đô ở cửa sông Tô Lịch (Hà Nội)</li> <li>- Năm 545, nhà Lương cho quân sang xâm lược. Lý Nam Đế hi sinh. Triệu Quang Phục nắm quyền chỉ huy kháng chiến dũng cảm, sáng tạo, giành nhiều thắng lợi</li> <li>- Năm 550, Triệu Quang Phục lên làm vua nước Vạn Xuân</li> <li>- Năm 602, nhà Tùy đem quân xâm lược. Nhà nước Vạn Xuân chấm dứt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khẳng định ý chí và sức mạnh của người Việt trong cuộc đấu tranh chống lại ách đô hộ của phương Bắc</li> <li>- Cho thấy khả năng thắng lợi trong công cuộc khởi nghĩa giành độc lập, tự chủ</li> <li>- Để lại những bài học quan trọng về chính trị, quân sự</li> </ul>
KN Phùng Hưng (cuối thế kỉ VIII)	Nhà Đường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những năm 766 – 780, Phùng Hưng tập hợp dân chúng nổi dậy KN, đánh chiếm phủ Tống Bình (Hà Nội), quản lý đất nước trong một thời gian</li> <li>- Năm 791, Phùng Hưng mất. Nhà Đường đem quân sang đàn áp. KN thất bại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện ý chí, quyết tâm giành độc lập, tự chủ của người Việt</li> <li>- Cổ vũ tinh thần và góp phần tạo cơ sở cho thắng lợi hoàn toàn trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự chủ đầu thế kỉ X</li> </ul>

## 2. Khởi nghĩa Lam Sơn

### a. Bối cảnh lịch sử

- Năm 1407, nhà Hồ thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân Minh
- Năm 1414, nhà Minh hoàn thành việc đánh dẹp các lực lượng khởi nghĩa khác. Nước ta rơi vào ách đô hộ của quân Minh
- Nhà Minh thi hành chính sách cai trị hà khắc, chế độ thuế khóa nặng nề  
→ lòng dân oán hận → KN Lam Sơn bùng nổ

### b. Diễn biến chính

Giai đoạn	Diễn biến chính
1418 - 1423	- Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn - Quân Minh liên tục tấn công. Nghĩa quân chịu nhiều tổn thất. - Năm 1423, Lê Lợi đề nghị tạm hòa, quân Minh chấp thuận
1424 – 1426	- 1424, nghĩa quân rời Thanh Hóa, chuyển vào Nghệ An, đánh chiếm Đông Đô - Từ 1424 – 1426, nghĩa quân giải phóng Nghệ An, Thanh Hóa, làm chủ Thuận Hóa, tấn công ra Bắc
1426 – 1427	- Cuối 1426, giành thắng lợi trong trận Tốt Động – Chúc Động, đánh tan 5 vạn quân Minh - Năm 1427, giành thắng lợi trong trận Chi Lăng – Xương Giang, đánh tan 15 vạn viện binh - Cuối 1427, Vương Thông chấp nhận nghị hòa, rút quân về nước

### c. Ý nghĩa

- Chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục hoàn toàn nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt
- Đưa đến sự thành lập vương triều Lê sơ, mở ra thời kì phát triển mới cùng nền độc lập, tự chủ lâu dài của Đại Việt

## 3. Phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII)

### a. Bối cảnh lịch sử

- Cuối thế kỉ XVIII, xã hội Đại Việt lâm vào khủng hoảng
- + Đàng Ngoài: Chính quyền Lê – Trịnh suy thoái, không chăm lo đời sống nhân dân. Mất mùa, đói kém diễn ra liên miên
- + Đàng Trong: Đại thần Trương Phúc Loan nắm mọi quyền hành, tham lam vô độ. Quý tộc, quan lại sống hưởng lạc, xa xỉ. Chế độ thuế khóa nặng nề, kinh tế khủng hoảng
- Đời sống nhân dân đói khổ. Mâu thuẫn xã hội sâu sắc. Nhiều cuộc KN của nông dân đã nổ ra chống lại chính quyền

### b. Diễn biến chính

Giai đoạn	Diễn biến chính
1771 - 1777	- Năm 1771, KN Tây Sơn bùng nổ - Năm 1776, Nguyễn Nhạc xưng vương. - Năm 1777, quân Tây Sơn tiêu diệt chúa Nguyễn. Nguyễn Ánh chạy thoát
1777 - 1785	- Quân Tây Sơn kiểm soát phần lớn Đàng Trong. Nguyễn Ánh cầu viện vua Xiêm. - Năm 1784, 5 vạn quân Xiêm kéo vào xâm lược nước ta - Năm 1785, hầu hết quân Xiêm bị tiêu diệt trong trận Rạch Gầm – Xoài Mút
1786 - 1789	- Năm 1786, quân Tây Sơn hạ thành Phú Xuân rồi tiến ra Thăng Long - Năm 1788, lật đổ chính quyền Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài. Vua Lê Chiêu Thống cầu cứu nhà Thanh - Cuối năm 1788, 29 vạn quân Thanh kéo vào xâm lược nước ta

	- Năm 1789, chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa (Hà Nội), tiêu diệt 29 vạn quân Thanh
1789 - 1802	- Chính quyền Quang Trung đóng đô ở Phú Xuân – Huế, kiểm soát phía Bắc Đàng Trong và toàn bộ Đàng Ngoài cũ. - Năm 1792, Quang Trung đột ngột qua đời. Quang Toản lên thay. Nội bộ triều đình nhiều mâu thuẫn. - Năm 1802, Nguyễn Ánh đánh ra Thăng Long. Vương triều Tây Sơn sụp đổ

### c. Ý nghĩa

- Là đỉnh cao trong cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân chống ách áp bức, bóc lột ở Đại Việt thế kỉ XVIII
- Lần lượt đánh đổ các chính quyền chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê, xóa bỏ ranh giới chia cắt đất nước, đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất quốc gia
- Chống quân xâm lược Xiêm và Thanh, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia

## 4. Một số bài học lịch sử

### a. Một số bài học lịch sử

Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam đã để lại những bài học quan trọng.

+ *Về vận động, tập hợp lực lượng* là một trong những yếu tố đóng vai trò quyết định. Việc vận động, tập hợp lực lượng được thực hiện qua khẩu hiệu, lời kêu gọi, qua chính sách chiêu mộ nhân tài,... Quá trình vận động, tập hợp quần chúng nhân dân cũng thể hiện tính chất dân tộc và chính nghĩa của các cuộc đấu tranh giành lại độc lập hoặc chống ách áp bức bóc lột.

+ *Về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc*: là yếu tố đóng vai trò nền tảng, then chốt. Việc xây dựng, củng cố và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc thể hiện qua chính sách đoàn kết trong nội bộ tướng lĩnh, giữa tướng lĩnh và binh lính, giữa các tầng lớp nhân dân và các dân tộc....

+ *Về nghệ thuật quân sự*: nổi bật là nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân; lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, lấy yếu chống mạnh; kết hợp giữa hoạt động quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận,...

### b. Giá trị của các bài học kinh nghiệm:

+ Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam vẫn còn nguyên giá trị, có vai trò đặc biệt quan trọng trong công cuộc giữ vững ổn định chính trị - xã hội, phát triển kinh tế - văn hóa; trong quá trình xây dựng và củng cố nền quốc phòng, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

+ Bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam cũng có giá trị đối với chính sách đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh tình hình khu vực và thế giới có nhiều biến đổi.

# CHỦ ĐỀ 5: MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

(TRƯỚC NĂM 1858)

## BÀI 9: CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ

(CUỐI THẾ KỈ XIV, ĐẦU THẾ KỈ XV)

### 1. Bối cảnh lịch sử

#### a. Về chính trị

- Từ năm 1358, triều Trần khủng hoảng, suy yếu:
- + Vua Trần Dụ Tông ăn chơi, hưởng lạc, triều chính bị gian thần lũng đoạn.
- + Tầng lớp quý tộc suy thoái, không giữ kỉ cương, phép nước.
- + Ở phía nam, nửa sau thế kỉ XIV, Chiêm Thành liên tục tấn công Đại Việt.
- + Ở phía bắc, nhà Minh yêu cầu Đại Việt cống nộp thầy thuốc, giống cây, lương thực, voi, ngựa,....

#### b. Về kinh tế

Từ những năm 40 của thế kỉ XIV: hạn hán, bão, lụt, vỡ đê.....

- Mất mùa, đói kém thường xuyên.
- Xuất hiện tình trạng che giấu, gian dối về ruộng đất và dân đinh.
- Quý tộc, quan lại, địa chủ chiếm đoạt ruộng đất trên quy mô lớn.

**c. Xã hội:** những năm 40 của thế kỉ XIV, các cuộc khởi nghĩa của nông dân và nô tì diễn ra liên tục ở nhiều vùng miền.

→ Năm 1371, Hồ Quý Ly - một đại thần của triều Trần đã đề xuất, tiến hành những cải cách lớn trên nhiều lĩnh vực.

### 2. Nội dung cải cách.

Lĩnh vực	Nội dung
<b>Chính trị</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>* <i>Tổ chức chính quyền, luật pháp:</i><ul style="list-style-type: none"><li>- Đổi tên và đặt thêm các đơn vị hành chính.</li><li>-Thành lập nhiều cơ quan, đặt ra nhiều chức quan mới; bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan cũ.</li><li>- Tăng cường kiểm tra, giám sát quan lại, đặc biệt là ở địa phương.</li><li>- Định kì mở các khoa thi tuyển chọn quan lại.</li><li>- Cải cách nghi lễ của triều đình và y phục của quan lại theo hướng quy củ, thống nhất, chuyên nghiệp.</li><li>- Ban hành quy chế, hình luật mới quốc gia.</li></ul></li><li>* <i>Quân đội, quốc phòng:</i><ul style="list-style-type: none"><li>- Tuyển chọn người giỏi võ nghệ làm tướng chỉ huy, không căn cứ vào nguồn gốc tôn thất như trước.</li><li>-Thải hồi binh sĩ già yếu, lấy người khỏe mạnh bổ sung vào quân ngũ.</li><li>-Tăng cường tuyển quân quy mô lớn, bổ sung lực lượng hương quân ở địa phương.</li><li>- Xây dựng lại binh chế, đặt lại tổ chức quân đội theo hướng quy củ, chặt chẽ, dưới sự thống nhất của triều đình.</li><li>- Cải tiến vũ khí, tăng cường trang bị quốc phòng, xây dựng hệ thống phòng thủ quốc gia quy mô lớn.</li></ul></li></ul>
<b>Kinh tế - xã hội</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năm 1396, phát hành tiền giấy “Thông bảo hội sao”.</li><li>- Năm 1397: hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn của tư nhân. Quy định mức sở hữu tối đa về ruộng đất.</li><li>- Năm 1398: xóa bỏ tình trạng che giấu, gian dối về ruộng đất.</li><li>Lập sổ ruộng trên cả nước.</li><li>- Năm 1401, hạn chế sở hữu gia nô. Kiểm soát hộ tịch trên cả nước.</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 1402, điều chỉnh thuế khóa, tăng thuế ruộng, hạ thuế bãi dâu, thu theo hạng đất.</li> <li>* Hồ Quý Ly thi hành một số cải cách kinh tế - xã hội khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt chức quản lí chợ (Thị giám) trên cả nước.</li> <li>- Thống nhất đơn vị đo lường.</li> <li>- Tổ chức khai hoang, di dân.</li> <li>- Mở rộng, khai thông nhiều tuyến đường bộ, đường thủy.</li> <li>- Đặt kho “Thường bình”, ổn định giá lúa gạo.</li> </ul> </li> </ul>
<b>Văn hóa</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* <i>Về tư tưởng:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao Nho giáo, đưa Nho giáo trở thành ý thức hệ tư tưởng chủ đạo trong đời sống.</li> </ul> </li> <li>* <i>Về tôn giáo:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạn chế sự phát triển của Phật giáo và Đạo giáo.</li> <li>- Bắt sự tăng chưa đến 50 tuổi phải hoàn tục, 50 tuổi trở lên phải trải qua kì sát hạch.</li> </ul> </li> <li>* <i>Về chữ viết:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đề cao và khuyến khích sử dụng chữ Nôm.</li> <li>+ Biên soạn sách chữ Nôm giải thích về Kinh Thi.</li> </ul> </li> <li>* <i>Về giáo dục:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chú trọng giáo dục, chủ trương mở rộng hệ thống trường học.</li> <li>- Bổ sung chức học quan ở các địa phương.</li> </ul> </li> <li>* <i>Về khoa cử:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi nội dung các khoa thi, quy định chặt chẽ phương thức thi.</li> <li>- Bổ sung nội dung thi viết, làm tính, định lệ thi Hương và thi Hội theo định kì.</li> </ul> </li> </ul>

### 3. Kết quả, ý nghĩa.

#### a. Kết quả:

##### \* *Về pháp luật:*

- Xác lập bước đầu thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối pháp trị, tổ chức thống nhất, chặt chẽ.

- Sức mạnh nhà nước được tăng cường.

##### \* *Về quân đội, quốc phòng:*

- Được củng cố.

- Vai trò và sức mạnh của nhà nước được tăng cường.

##### \* *Về kinh tế:*

- Giải quyết được bất cập: sở hữu tài sản, chế độ thuế khóa, hạn chế sở hữu tư nhân quy mô lớn, tình trạng gian dối ruộng đất, bộ phận lớn nô tì được giải phóng.

- Tăng nguồn thu của nhà nước.

##### \* *Về văn hóa:*

- Nho giáo trở thành ý thức hệ tư tưởng chủ đạo của xã hội Đại Việt.

- Phật giáo, Đạo giáo suy giảm vai trò, vị trí.

##### \* *Về giáo dục, khoa cử:*

Có bước phát triển mới theo hướng quy củ, chuyên nghiệp.

#### b. Ý nghĩa:

- Bước đầu xác lập mô hình phát triển mới của Đại Việt.

- Thể hiện tinh thần dân tộc, ý thức tự cường.

- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về việc trị nước.

## Bài 10. CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)

### 1. Bối cảnh lịch sử

#### - Về chính trị:

+ Sau khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, triều Lê sơ bước đầu xây dựng bộ máy nhà nước mới, có kế thừa mô hình nhà nước thời Trần, Hồ.

+ Từ thời Lê Thái Tổ đến Lê Nhân Tông, nội bộ triều đình Lê sơ có nhiều mâu thuẫn và biến động, đặc biệt là tình trạng phe cánh trong triều và sự lộng quyền của một bộ phận công thần.

#### - Về kinh tế xã hội:

+ Nền kinh tế Đại Việt sau chiến tranh đã được phục hồi. Tuy vậy, chế độ ruộng đất vẫn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập. Một bộ phận nông dân thiếu ruộng đất canh tác, nguồn thu của nhà nước bị ảnh hưởng.

+ Trong xã hội, nạn cường hào lộng hành và quan lại tham ô, nhũng nhiễu ngày càng nhức nhối, tình trạng coi thường pháp luật trở nên phổ biến.

=> Trong bối cảnh đó, sau khi lên ngôi, Lê Thánh Tông từng bước tiến hành những chính sách cải cách quan trọng, đặc biệt là đối với hệ thống hành chính từ năm 1466

### 2. Nội dung cải cách

#### a. Chính trị

##### \* Tổ chức bộ máy chính quyền

- **Ở trung ương:** Lê Thánh Tông tiến hành cải cách theo hướng hoàn thiện hệ thống cơ quan, tập trung quyền lực vào tay nhà vua, đồng thời tăng cường chế độ kiểm tra, giám sát và hỗ trợ lẫn nhau giữa các cơ quan.

+ Nhiều cơ quan, chức quan cũ bị bãi bỏ, đặc biệt là những cơ quan, chức quan có nhiều quyền lực. Vị trí và vai trò của các chức quan đại thần suy giảm so với trước.

+ Lục bộ trở thành 6 cơ quan chức năng cao cấp chủ chốt trong bộ máy triều đình, do nhà vua trực tiếp điều hành, chịu trách nhiệm trước nhà vua. Lục bộ cũng đồng thời chịu sự giám sát của Lục khoa tương ứng.

+ Vua Lê Thánh Tông cho đặt thêm Lục tự, phụ trách một số nhiệm vụ cụ thể, như: Hồng lô tự phụ trách tổ chức xướng danh những người thi đỗ trong kì thi Đình; Đại lí tự phụ trách xét lại những án nặng (hình án) đã xử rồi....

+ Hoàn thiện hệ thống các cơ quan chuyên môn như Thông chính ty, Quốc Tử Giám,...

- **Ở địa phương:** Lê Thánh Tông tổ chức lại hệ thống đơn vị hành chính, đồng thời thiết lập hệ thống cơ quan, chức quan quản lí từ đạo đến phủ, huyện châu, xã. Cụ thể:

+ Chia cả nước từ 5 đạo trước đây thành 12 đạo thừa tuyên. Đến năm 1471 lập thêm đạo thừa tuyên thứ 13 (Quảng Nam). Hệ thống cơ quan phụ trách đạo thừa tuyên gồm: Đô ty (phụ trách quân sự), Thừa ty (phụ trách hành chính, thuế khoá), Hiến ty (phụ trách thanh tra, xét hỏi kiện tụng, tuần hành).

+ Bãi bỏ cấp lộ, trấn cũ; thiết lập hệ thống phủ, huyện/châu, xã cùng hệ thống chức quan đứng đầu phủ, huyện/châu, xã gồm: tri phủ, tri huyện tri châu, xã trưởng.

##### - Lê Thánh Tông còn ban hành và thực hiện một số chính sách khác như:

+ Hạn chế quyền lực của vương hầu, quý tộc;

+ Quy định chế độ tuyển dụng, phẩm trật, lương bổng, khen thưởng, kỉ luật đối với quan lại cùng quy chế làm việc của các cơ quan;

+ Quy định thể thức công văn, giấy tờ, trang phục, lễ nghi ở triều đình;

+ Sử dụng khoa cử là hình thức tuyển chọn nhân sự chủ yếu cho bộ máy chính quyền các cấp;

##### \* Luật pháp:

- Dưới thời Lê Thánh Tông, bộ Quốc triều hình luật (còn được gọi là Luật Hồng Đức) được hoàn chỉnh và ban hành trên cơ sở bộ luật khởi thảo từ thời vua Lê Thái Tổ.

- Quốc triều hình luật thể hiện một số điểm mới và tiến bộ như:

+ Có sự phân biệt hình phạt đối với người phạm tội nếu tàn tật hoặc còn nhỏ;

- + Bảo vệ quyền lợi và địa vị của người phụ nữ;
- + Quy định cụ thể về tổ tụng.....

**\* Quân đội:**

- Từ năm 1466, hệ thống tổ chức quân đội Đại Việt được cải tổ trên quy mô lớn. Cả nước được chia thành 5 khu vực quân sự (Ngũ phủ quân). Mỗi phủ quân phụ trách từ hai đến ba địa phương lớn.
- Nhà nước có nhiều ưu đãi đối với binh lính, đặc biệt là việc ban cấp ruộng đất công.
- Kỷ luật quân đội và việc huấn luyện, tập trận, thao diễn võ nghệ hằng năm của quân đội được quy định chặt chẽ.

**b. Kinh tế, văn hóa**

**\* Kinh tế:**

- Năm 1477, Lê Thánh Tông ban hành chính sách lộc điền và chính sách quân điền.
- + Chính sách lộc điền ban cấp ruộng đất cho quý tộc, quan lại cao cấp từ nhất phẩm đến tứ phẩm theo quy chế thống nhất. (GV giải thích “lộc điền”)
- + Chính sách quân điền phân chia ruộng đất công cho các hạng từ quan lại, binh lính, dẫn định đến người tàn tật, phụ nữ goá, trẻ mồ côi,.. (GV giải thích “quân điền”)
- Nhà nước cũng thực hiện chính sách khuyến khích khai khẩn đồn điền, mở rộng diện tích canh tác trên cả nước.

**\* Văn hoá:**

- Đề cao Nho giáo, đưa Nho giáo trở thành hệ tư tưởng độc tôn, chính thống của triều đình và toàn xã hội.
- Giáo dục - khoa cử được chú trọng và có nhiều đổi mới.
- + Quốc Tử Giám được trùng tu, mở rộng trên quy mô lớn. Trường học công được mở rộng đến cấp phủ, huyện.
- + Chế độ khoa cử được quy định chặt chẽ với 3 kì thi Hương, thi Hội, thi Đình định kì.
- + Những người thi đỗ tiến sĩ được tôn vinh bằng những nghi thức như lễ xướng danh, vinh quy bái tổ, khắc tên trên văn bia tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

**3. Kết quả, ý nghĩa**

**- Kết quả:**

- + Đưa tới sự xác lập của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền mang tính quan liêu theo đường lối pháp trị. Bộ máy nhà nước thời Lê sơ trở nên hoàn chỉnh, chặt chẽ.
- + Đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá của Đại Việt cũng có những biến đổi lớn, trong đó nổi bật là sự phát triển của nền kinh tế tiểu nông và sự thống trị của tư tưởng Nho giáo.

**- Ý nghĩa:**

- + Thể hiện rõ tinh thần dân tộc của vương triều Lê sơ, đưa nhà nước Lê sơ đạt đến giai đoạn phát triển đỉnh cao.
- + Đặt cơ sở cho hệ thống hành chính của Đại Việt nhiều thế kỉ sau đó.
- => Từ cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có thể vận dụng, kế thừa trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay:
  - Các giá trị chính trị - pháp lý của Luật Hồng Đức phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của chế độ đất nước hiện tại như: chủ quyền thuộc về nhân dân; tôn trọng tính tối cao của luật; nêu cao tinh thần đoàn kết dân tộc...
  - Kế thừa việc phá bỏ, khắc phục những điều tiêu cực, lệch lạc trong đường lối lãnh đạo.
  - Tôn trọng tính khách quan của lịch sử.
  - Kế thừa, tiếp thu luôn đi đôi với phát huy, nhân lên một tầm cao mới các giá trị của truyền thống pháp lý, góp phần bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc.

## **Bài 11: CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)**

### **1. Bối cảnh lịch sử**

- Triều Nguyễn được thành lập, cai quản lãnh thổ rộng lớn, kéo dài từ Bắc vào Nam. Dưới thời vua Gia Long bộ máy nhà nước còn chưa hoàn thiện thiếu sự thống nhất, quyền lực nhà vua và triều đình bị hạn chế, không kiểm soát chặt chẽ được các trấn, an ninh – xã hội ở các địa phương gặp nhiều bất ổn => Từ bối cảnh trên đặt ra yêu cầu cần phải hoàn thiện bộ máy, khắc phục tính thiếu thống nhất và phân quyền của bộ máy nhà nước.

### **2. Nội dung cải cách**

- Trọng tâm của cuộc cải cách là **hành chính**

#### **\* Trung Ương:**

- Cải tổ cơ quan văn thư phòng thay thế bằng nội các (1829) cơ quan hành chính trung ương chuyển và tiếp nhận công văn từ triều đình đến địa phương và ngược lại, khởi thảo và lưu giữ công văn

- Đặt các cơ quan mới: Cơ mật viện (1824) cơ quan tư vấn tối cao cho nhà vua về các vấn đề quân sự quan trọng

...

- Hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục Bộ, Lục Tự, Lục khoa và Đô sát viện ...

**\* Địa Phương:** Xóa bỏ Bắc Thành và Gia Định thành, chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên

- Đối với các vùng dân tộc thiểu số: thử nghiệm chế độ lưu quan, cử quan lại của triều đình trực tiếp cai trị các vùng dân tộc thiểu số

- Thi hành chế độ hồi Ty quy định những người thân không được làm quan cùng một chỗ

### **3. Kết quả và ý nghĩa**

#### **\* Kết quả**

+ Hệ thống hành chính trên cả nước đã được cấu trúc lại một cách thống nhất, chặt chẽ và tập trung, quyền lực của hoàng đế và triều đình được tăng cường cao độ;

+ Hệ thống cơ quan, chức quan các cấp được hoàn thiện và có sự giám sát, ràng buộc chặt chẽ với nhau.

+ Với sự xác lập của nền quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền cao độ mang tính quan liêu, tình hình an ninh

- xã hội ở các địa phương từ sau cải cách Minh Mạng cũng có những chuyển biến theo hướng tích cực.

#### **\* Ý nghĩa:**

+ Thể hiện tài năng, tâm huyết của vua Minh Mạng và nỗ lực của triều Nguyễn trong quá trình quản lý đất nước, có ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị - xã hội, đồng thời đặt nền móng cho thể chế chính trị triều Nguyễn nhiều thập kỉ sau đó.

+ Cuộc cải cách cũng để lại những di sản quan trọng trong nền hành chính quốc gia thời kì cận - hiện đại, đặc biệt là cấu trúc phân cấp hành chính địa phương tỉnh, huyện, xã.

## **CHỦ ĐỀ 6: LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG**

### **BÀI 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN**

#### **1. Vị trí của Biển Đông**

- Biển Đông nằm ở rìa tây Thái Bình Dương, có chiều dài khoảng 1900 hải lí (nằm trong khoảng từ 3°N đến 26°B), chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 600 hải lí (trong khoảng từ 100°Đ đến 121°Đ).

- Biển Đông là một trong những biển lớn của thế giới với diện tích hơn 3,447 triệu km<sup>2</sup>, trải dài từ bờ biển Việt Nam ở phía tây đến các đảo Lu-dông, Pa-lau-oan (Philippin) và Bô-nê-ô (Indônêxia, Malaixia, Brunây) ở phía đông và từ bờ biển Trung Quốc ở phía bắc đến các đảo của Indônêxia ở phía nam.

- Biển Đông là vùng biển chung của 9 quốc gia (Việt Nam, Trung Quốc, Philippin, Malaixia, Brunây, Indônêxia, Xingapo, Thái Lan, Campuchia) và vùng lãnh thổ Đài Loan.

## 2. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông

<b>Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông</b>	<b>Dẫn chứng</b>
a. Tuyến giao thông đường biển huyết mạch	<p>- Nằm trên tuyến giao thông đường biển huyết mạch nối liền Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Á - châu Âu, châu Á - Trung Đông</p> <p>+ Trong lịch sử, được coi là tuyến đường thiết yếu trong giao thông, giao thương, di cư..</p> <p>+ Hiện nay, là tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp thứ hai thế giới .</p> <p>- Ở Biển Đông có những eo biển giữ vai trò quan trọng đối với nhiều quốc gia và nền kinh tế trên thế giới: eo biển Ma-lắc-ca, eo biển Xun-đa, eo biển Lôm-bôc,... giúp cho đường giao thông trên biển qua các đại dương ngăn lại, tiết kiệm chi phí vận tải và hạn chế rủi ro.</p>
b. Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương	<p><i>* Kinh tế :</i></p> <p>- Vừa là cửa ngõ giao thương quốc tế, vừa tạo điều kiện thuận lợi để các quốc gia và vùng lãnh thổ tiếp giáp có thể phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.</p> <p>- Nhiều nước ở khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á có nền kinh tế gắn liền với các con đường thương mại, hệ thống cảng biển và nguồn tài nguyên trên Biển Đông.</p> <p>- Biển Đông được coi là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng bậc nhất châu Á với một khối lượng lớn hàng hoá vận chuyển quốc tế qua đây.</p> <p><i>* Chính trị - an ninh:</i></p> <p>- Trong lịch sử, Biển Đông là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng truyền thống của nhiều nước lớn, đồng thời là nơi diễn ra quá trình giao thoa của các nền văn hoá như: Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa....</p> <p>+ Hiện nay, Biển Đông có vị trí địa - chính trị quan trọng đối với các quốc gia và vùng lãnh thổ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.</p>
c. Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển	<p>- Biển Đông có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, đặc biệt là các tài nguyên sinh vật và khoáng sản.</p> <p>+ Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông phong phú và đa dạng với hàng trăm loài bao gồm cả động vật, thực vật: cá và các loài động vật thân mềm như tôm, mực, hải sâm rong biển, tảo biển, rau câu,...</p> <p>+ Có nhiều loại tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ và khí tự nhiên. Bên cạnh đó, vùng biển này còn có những nguồn tài nguyên khác như: năng lượng thủy triều, năng lượng gió; cát và hoá chất trong cát; muối và các loại khoáng chất.....</p>

## 3. Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở biển Đông

Biển Đông có nhiều đảo và quần đảo, riêng vùng biển Việt Nam rộng hơn 1 triệu km<sup>2</sup> đã có khoảng 4000 đảo lớn, nhỏ. Trong đó, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam có vị trí đặc biệt quan trọng trên Biển Đông.

### a. Vị trí của các đảo và quần đảo của Việt Nam ở Biển Đông

- Dựa trên cơ sở vị trí địa lí, điều kiện kinh tế, cư dân sinh sống, hệ thống các đảo và quần đảo của Việt Nam Việt Nam thường được chia thành:

+ Hệ thống đảo tiền tiêu. Ví dụ: Thổ Chu, Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn,...

- + Các đảo lớn. Ví dụ: Cô Tô, Cát Bà, Cù Lao Chàm,...
- + Các đảo ven bờ. Ví dụ: các đảo thuộc huyện đảo Cát Bà, huyện đảo Bạch Long Vĩ,...
- + Hai quần đảo xa bờ là: quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
- Quần đảo Hoàng Sa nằm trong khoảng từ 15°45'B đến 17°15'B và từ 111°Đ đến 113°Đ, trải rộng trên vùng biển có diện tích khoảng 30.000 km<sup>2</sup>; cách thành phố Đà Nẵng khoảng 170 hải lí và cách đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) khoảng 120 hải lí.
- Quần đảo Trường Sa cách quần đảo Hoàng Sa trên 200 hải lí về phía đông nam, nằm trong khoảng từ 6°50'B đến 12°0'B và từ 111°30'Đ đến 117°20'Đ, cách vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa) khoảng 248 hải lí.

**b. Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo của Việt Nam ở Biển Đông**

- Hệ thống đảo và quần đảo của Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, giữ vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh vùng biển, vùng trời và đất liền.
- + Các đảo và quần đảo Việt Nam tạo ra cơ sở để phát triển các lĩnh vực như: vận tải biển; khai thác dầu khí, đóng tàu, nuôi trồng và khai thác, chế biến thủy, hải sản; du lịch,... Đây cũng là những căn cứ quan trọng để Việt Nam tiến ra biển và khai thác tài nguyên.
- + Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm ở trung tâm Biển Đông, thuận lợi cho việc xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu cho các tàu di chuyển trên biển, phục vụ tuyến đường hàng hải huyết mạch trên Biển Đông giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, nối liền châu Á với châu Âu và giữa các nước châu Á với nhau.
- + Hệ thống đảo, quần đảo ở vùng biển Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có tầm quan trọng chiến lược đối với quốc phòng, an ninh. Sự liên kết giữa các đảo, cụm đảo, quần đảo trên Biển Đông đã hình thành tuyến phòng thủ nhiều tầng, từ xa đến gần, tạo thành hệ thống an ninh vững chắc để bảo vệ đất liền.

**BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG**

**1. Tìm hiểu tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam**

**a. Về quốc phòng, an ninh**

- Việt Nam giáp với Biển Đông ở ba phía, đường bờ biển dài khoảng 3260 km, có khoảng 4000 hòn đảo lớn nhỏ (trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa).
- => *Hợp thành hệ thống đảo bảo vệ vùng trời, vùng biển và đất liền.*
- => *Là cửa ngõ, tuyến phòng thủ bảo vệ đất liền từ xa.*
- Nằm trên tuyến giao thông biên huyết mạch, địa bàn chiến lược ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.
- => *Bảo vệ an ninh hàng hải, chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam.*
- Là con đường giao thương giữa các khu vực trong cả nước và giữa Việt Nam với thị trường khu vực và quốc tế.
- => *Giúp Việt Nam giao lưu và hội nhập với các nền văn hoá khác.*
- => *Tạo ra cơ hội, thách thức trong việc bảo vệ quốc phòng, an ninh, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá.*

**b. Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm**

Về giao thông hàng hải	Về công nghiệp khai khoáng	Về khai thác tài nguyên sinh vật biển	Về du lịch
- Hệ thống các cảng biển nước sâu và cảng trung bình được xây dựng dọc bờ Biển Đông. <i>Thuận lợi cho Việt Nam phát triển thương</i>	- Dầu khí ở thêm lục địa Việt Nam có trữ lượng lớn. - Vùng biển Việt Nam có tiềm năng lớn về quặng sa khoáng.	Đa dạng về sinh học. Trữ lượng cá biển trên các vùng biển của Việt Nam khoảng 3 - 4 triệu tấn.	- Cảnh quan đa dạng, nhiều vịnh, bãi cát trắng, hang động.... - Các bán đảo và đảo lớn nhỏ liên kết với nhau tạo thành quần thể

<i>mại hàng hải.</i>			du lịch, phù hợp để phát triển đa dạng nhiều loại hình du lịch.
----------------------	--	--	---

## **2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa**

### **a. Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa**

- **Thế kỷ XVII:** chúa Nguyễn lập Đội Hoàng Sa, khai thác sản vật.

à Thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- **Đầu thế kỷ XVIII:** chúa Nguyễn Phúc Chu lập đội Bắc Hải, khai thác sản vật.

à Thực thi chủ quyền của Việt Nam ở khu vực Bắc Hải, đảo Côn Lôn, các đảo Hà Tiên.

- **Cuối thế kỷ XIX – năm 1945:** Pháp đại diện quyền lợi của Việt Nam, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- **Sau Chiến tranh thế giới thứ hai:** Pháp chuyển giao quyền kiểm soát hai quần đảo cho Chính phủ quốc gia Việt Nam.

- **Sau Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975:** Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:

+ Thực thi quyền quản lý hành chính.

+ Đấu tranh pháp lý, ngoại giao, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

### **b. Cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông**

- Các cuộc đấu tranh diễn ra với những hình thức: vũ trang tự vệ, đàm phán ngoại giao, bảo vệ và hỗ trợ ngư dân bám biển.

- Nhà nước Việt Nam ban hành nhiều chính sách, biện pháp, hành động:

+ Thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển phát triển mạnh.

+ Xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ biển đảo về mọi mặt.

+ Thực hiện công tác đối ngoại quốc phòng, đẩy mạnh tuyên truyền chủ quyền biển đảo.

## **3. Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình**

Việt Nam ban hành các văn bản luật khẳng định, thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012, tham gia Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử các biển ở Biển Đông (DOC).

----- **HẾT** -----

